

Số: 80 /TB-GDDT

Cần Giờ, ngày 15 tháng 01 năm 2020

THÔNG BÁO

Về danh sách học sinh đủ điều kiện dự thi Cuộc thi Olympic Tháng 4 lần 2 cấp
Thành phố năm học 2019 - 2020

Căn cứ Công văn số 3731/KH-GDDT-TrH ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch tổ chức Cuộc thi Olympic Tháng 4 Thành phố Hồ Chí Minh mở rộng - Năm 2020 (Ho Chi Minh City Olympiad April);

Căn cứ Công văn số 3906/KH-GDDT-TrH ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về môn thi STEM – Xe thể năng, trong khuôn khổ kỳ thi Olympic Tháng 4 Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020;

Căn cứ kết quả Cuộc thi Olympic Tháng 4 lần 2 cấp huyện năm học 2019-2020 khóa ngày 04 tháng 01 năm 2020 và kết quả thẩm định sản phẩm dự thi STEM-Xe thể năng;

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo danh sách học sinh đủ điều kiện dự thi Cuộc thi Olympic Tháng 4 lần 2 cấp Thành phố năm học 2019-2020 môn thi STEM – Xe thể năng, trong khuôn khổ kỳ thi Olympic Tháng 4 Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 như sau:

1. Danh sách học sinh đủ điều kiện dự thi Cuộc thi Olympic Tháng 4 lần 2 cấp Thành phố năm học 2019-2020 (đính kèm).

Đề nghị Hiệu trưởng các trường tổ chức bồi dưỡng, ôn tập cho những học sinh trên theo định mức, thời lượng được quy định. Giáo viên phải có hồ sơ bồi dưỡng, ôn tập đầy đủ (kế hoạch giảng dạy, tài liệu, đề thi, ...) nhằm nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.

Trong trường hợp, ở mỗi môn thi, khối thi số lượng chưa đủ theo quy định (tối đa 3 học sinh/khối/môn đối với các môn văn hoá và 02 đội/môn đối với các bộ môn Ứng dụng STEM), các trường có thể đăng ký thêm nhưng không vượt số lượng quy định dựa trên quyết định công nhận học sinh đạt giải Kỳ thi Olympic Tháng 4 lần 2 cấp huyện của Phòng Giáo dục và Đào tạo và tự túc về kinh phí dự thi cho những học sinh này.

Riêng Trường THCS-THPT Thạnh An thực hiện việc tham gia và đăng ký dự thi theo kế hoạch của trường.

2. Thời gian thi

+ Các môn văn hóa: thứ Sáu, ngày 20 tháng 3 năm 2020 (Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ có kế hoạch đưa học sinh dự thi).

+ STEM-Xe thể năng: thứ Năm, ngày 26 tháng 3 năm 2020 (trường phối hợp tổ chức đưa học sinh dự thi).

3. Địa điểm thi

+ Các môn văn hóa: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo cụ thể khi có thông tin từ Sở Giáo dục và Đào tạo).

+ STEM-Xe thể năng: Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo cụ thể khi có thông tin từ Sở Giáo dục và Đào tạo

4. Đăng ký dự thi

+ Các môn văn hóa: thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo, thời hạn đăng ký theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ STEM-Xe thể năng: Từ ngày 17/02/2020 đến ngày 22/02/2020 trên Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

✓ **Thứ Năm, ngày 12/3/2020:** Ban Tổ chức thông báo danh sách các đội và thí sinh dự thi, số báo danh, địa điểm thi và ngày giờ tập trung trên Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Các trường kiểm tra danh sách thí sinh, tiến hành in thẻ dự thi cho học sinh (thẻ dự thi có dán ảnh, ghi đủ các chi tiết, hiệu trưởng ký tên và đóng dấu). Học sinh đeo thẻ dự thi khi đi thi.

✓ **Thứ Ba, ngày 24/3/2020:** tập hợp thí sinh để kiểm tra tính hợp quy và niêm phong, lưu giữ các vật tư, linh kiện lắp ráp sản phẩm.

✓ **Thứ Tư, ngày 25/3/2020:** thí sinh lắp ráp sản phẩm và thử nghiệm hoạt động của sản phẩm trên đường thi thực tế, niêm phong lưu giữ sản phẩm dự thi.

✓ **Thứ Năm, Sáu, ngày 26, 27/3/2020:** tiến hành chính thức kỳ thi.

5. Kinh phí dự thi

Phòng Giáo dục và Đào tạo trình kinh phí dự thi Cuộc thi Olympic Tháng 4 lần 2 cấp Thành phố năm học 2019-2020.

Riêng những trường hợp, nhà trường đăng ký thêm học sinh trong danh sách kèm Quyết định công nhận học sinh đạt giải Cuộc thi Olympic Tháng 4 lần 2 cấp huyện năm học 2019-2020 (ngoài danh sách đính kèm Thông báo của Phòng Giáo dục và Đào tạo) nhà trường chịu trách nhiệm kinh phí dự thi cho những học sinh này (300.000đ với mỗi thí sinh dự thi cho Ban Tổ chức).

Đề nghị Hiệu trưởng các trường tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT: TP, PTP (THCS), các thành viên tổ THCS;
- Các trường THCS;
- Lưu: VT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Hoàng Mai

DANH SÁCH HỌC SINH

ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI KỲ THI OLIMPIC THÀNH 4 LẦN 2 CẤP THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo Thông báo số 80 /TB-GDDT ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

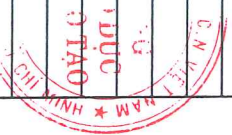


STT	Môn thi	Trường	Họ	Tên	GT	Lớp	Khối	Ngày	Tháng	Năm	Ghi chú
1	Địa lý	THCS An Thới Đông	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	Nữ	6/1	6	22	7	2008	
2	Địa lý	THCS Bình Khánh	PHẠM HUỲNH ANH	THƯ	Nữ	6A7	6	19	2	2008	
3	Địa lý	THCS Bình Khánh	HUỲNH BẢO	TRẦN	Nữ	7A2	7	10	7	2007	
4	Địa lý	THCS Long Hoà	NGUYỄN THANH THẢO	LINH	Nữ	7/1	7	27	10	2007	
5	Địa lý	THCS Bình Khánh	VÕ QUANG	VINH	Nam	7A5	7	1	6	2007	
6	Địa lý	THCS Doi Lầu	Hồ Phạm Thiên	Vân	Nữ	7.1	7	7	5	2007	
7	Địa lý	THCS Bình Khánh	LÊ HOÀNG	NAM	Nam	8A4	8	3	3	2006	
8	Địa lý	THCS Bình Khánh	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	Nữ	8A5	8	21	11	2006	
9	Địa lý	THCS Tam Thôn Hiệp	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	Nữ	8.1	8	30	10	2006	
10	Địa lý	THCS Tam Thôn Hiệp	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHƯ	Nữ	8.3	8	25	4	2006	
11	KHTN	THCS Tam Thôn Hiệp	ĐỖ THỮ	KHOA	Nam	7.2	7	7	2	2007	
12	KHTN	THCS Bình Khánh	TRƯƠNG NGỌC ANH	DƯƠNG	Nữ	7A1	7	25	10	2007	
13	KHTN	THCS Cần Thạnh	LÂM NGUYỄN NGỌC	HÂN	Nữ	7.4	7	28	12	2007	
14	KHTN	THCS Bình Khánh	HUỲNH NHẤT	MINH	Nam	7A1	7	3	11	2007	
15	KHTN	THCS Bình Khánh	NGUYỄN MINH	HẬU	Nam	7A2	7	19	5	2007	
16	KHTN	THCS Tam Thôn Hiệp	PHẠM NGUYỄN THỊ NGỌC	DUYỀN	Nữ	7.3	7	6	9	2007	
17	KHTN	THCS Cần Thạnh	BÙI THÀNH	ĐẠT	Nam	8.5	8	18	10	2006	
18	KHTN	THCS Bình Khánh	NGUYỄN LUONG BẢO	THUY	Nữ	8A1	8	14	6	2006	
19	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	LÊ MINH	ĐOÀN	Nam	6.5	6	12	12	2008	
20	Lịch sử	THCS Lý Nhơn	Huỳnh Quang	Thành	Nam	6/2	6	10	1	2008	
21	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	LÊ NGỌC THẢO	MỸ	Nữ	6.5	6	3	1	2008	
22	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	HỒ HÀ ANH	THƯ	Nữ	6.5	6	3	3	2008	
23	Lịch sử	THCS Bình Khánh	NGUYỄN PHÚC QUÝ	KHANG	Nam	6A1	6	26	4	2008	
24	Lịch sử	THCS An Thới Đông	VÕ NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	6/3	6	11	11	2008	
25	Lịch sử	THCS An Thới Đông	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	TRÂM	Nữ	6/3	6	30	8	2008	
26	Lịch sử	THCS Bình Khánh	HUỲNH NGUYỄN TUYẾT	NHI	Nữ	6A1	6	30	10	2008	
27	Lịch sử	THCS Bình Khánh	DƯƠNG NGỌC BẢO	NHƯ	Nữ	6A3	6	19	7	2008	
28	Lịch sử	THCS An Thới Đông	PHẠM NGỌC QUỲNH	ANH	Nữ	6/1	6	26	8	2008	
29	Lịch sử	THCS Bình Khánh	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	LAM	Nữ	6A1	6	19	1	2008	
30	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	LÊ THUY	NGÂN	Nữ	7.4	7	16	11	2007	
31	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN BẢO	TRÂM	Nữ	7.5	7	21	10	2007	
32	Lịch sử	THCS Cần Thạnh	TRẦN ĐÌNH	BẢO	Nam	7.5	7	18	8	2007	
33	Lịch sử	THCS An Thới Đông	TRẦN THỊ KIM	HẰNG	Nữ	7/1	7	3	1	2007	
34	Lịch sử	THCS An Thới Đông	NGUYỄN THỊ CẨM	DUNG	Nữ	7/5	7	24	5	2007	



STT	Môn thi	Trường	Họ	Tên	GT	Lớp	Khối	Ngày	Tháng	Năm	Ghi chú
35	Lịch sử	THCS Bình Khánh	PHẠM QUỐC	DŨNG	Nam	7A7	7	22	8	2007	
36	Lịch sử	THCS Bình Khánh	NGUYỄN THANH	NGÂN	Nữ	7A7	7	10	1	2006	
37	Lịch sử	THCS Cấn Thanh	NGUYỄN PHẠM ĐÌNH	BẢO	Nam	8.5	8	12	1	2006	
38	Lịch sử	THCS Cấn Thanh	LÃ NGỌC BĂNG	CHÁU	Nữ	8.2	8	3	9	2006	
39	Lịch sử	THCS Cấn Thanh	VŨ NGỌC TRÀ	MY	Nữ	8.5	8	29	8	2006	
40	Lịch sử	THCS An Thới Đông	ĐẶNG THỊ KIM	NHUNG	Nữ	8/3	8	31	5	2006	
41	Ngữ văn	THCS Tam Thôn Hiệp	MAI ANH	TUẤN	Nam	6.2	6	17	1	2008	
42	Ngữ văn	THCS Bình Khánh	HUỲNH ĐÌNH HOÀNG	LAN	Nữ	6A1	6	16	5	2008	
43	Ngữ văn	THCS Long Hoà	NGUYỄN THỊ KHÁ	HÂN	Nữ	6/3	6	30	5	2008	
44	Ngữ văn	THCS Long Hoà	HUỲNH	NHƯ	Nữ	6/2	6	18	12	2008	
45	Ngữ văn	THCS An Thới Đông	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	Nữ	6/4	6	16	10	2008	
46	Ngữ văn	THCS Lý Nhơn	Huỳnh Thành	Bách	Nam	6/1	6	28	11	2008	
47	Ngữ văn	THCS An Thới Đông	NGÔ HOÀNG BẢO	HÂN	Nữ	6/1	6	19	7	2008	
48	Ngữ văn	THCS Lý Nhơn	Đỗ Hoàng	Lan	Nữ	6/1	6	7	9	2008	
49	Ngữ văn	THCS Bình Khánh	NGUYỄN TRỌNG LUONG GIA	HÂN	Nữ	7A4	7	31	7	2007	
50	Ngữ văn	THCS An Thới Đông	VÕ NGUYỄN HỒNG	ANH	Nữ	7/1	7	27	1	2007	
51	Ngữ văn	THCS Bình Khánh	ĐỖ HỒNG	NGỌC	Nữ	7A1	7	4	3	2007	
52	Ngữ văn	THCS Bình Khánh	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	7A7	7	16	1	2007	
53	Ngữ văn	THCS Dơi Lâu	Nguyễn Thị Thảo	Trinh	Nữ	7.2	7	16	1	2007	
54	Ngữ văn	THCS Long Hoà	LÝ PHI	PHI	Nữ	7/5	7	26	2	2007	
55	Ngữ văn	THCS Tam Thôn Hiệp	VÕ NGUYỄN HUỲNH	NGHI	Nữ	7.2	7	25	1	2007	
56	Ngữ văn	THCS An Thới Đông	NGUYỄN THỊ HUỲNH	HƯƠNG	Nữ	7/4	7	19	1	2007	
57	Ngữ văn	THCS Long Hoà	LÊ HUỲNH KHÁNH	AN	Nữ	7/3	7	27	5	2007	
58	Ngữ văn	THCS Long Hoà	NGÔ HOÀNG THẢO	NGUYỄN	Nữ	7/3	7	18	2	2007	
59	Ngữ văn	THCS An Thới Đông	TRƯƠNG VÔ PHƯƠNG	THÙY	Nữ	7/4	7	21	5	2007	
60	Ngữ văn	THCS Bình Khánh	LÊ PHẠM THẢO	NHUNG	Nữ	8A1	8	24	7	2006	
61	Ngữ văn	THCS An Thới Đông	HỒ TRƯƠNG ĐIỀU	THẢO	Nữ	8/1	8	6	8	2006	
62	Tiếng Anh	THCS Long Hoà	TRIỆU THỊ THIÊN	TÂM	Nữ	6/1	6	10	8	2008	
63	Tiếng Anh	THCS Long Hoà	TRẦN BÌNH	KỶ	Nam	6/3	6	24	12	2008	
64	Tiếng Anh	THCS Long Hoà	LÊ HUỲNH THIÊN	HUONG	Nữ	6/3	6	15	8	2008	
65	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	NGUYỄN TRUNG	TIẾN	Nam	6A2	6	14	2	2008	
66	Tiếng Anh	THCS Cấn Thanh	PHẠM NGUYỄN HÀ	MY	Nữ	6.5	6	31	1	2008	
67	Tiếng Anh	THCS Cấn Thanh	ĐOÀN NGUYỄN PHƯƠNG	THU	Nữ	6.5	6	4	2	2008	
68	Tiếng Anh	THCS Tam Thôn Hiệp	DUONG THANH	PHÁT	Nam	6.2	6	22	9	2008	
69	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	TRẦN LÊ VÂN	ANH	Nữ	6A2	6	12	9	2008	
70	Tiếng Anh	THCS Cấn Thanh	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	Nữ	6.5	6	15	12	2008	
71	Tiếng Anh	THCS Tam Thôn Hiệp	PHẠM QUỲNH	TRÂM	Nữ	6.1	6	23	5	2008	

STT	Môn thi	Trường	Họ	Tên	GT	Lớp	Khối	Ngày	Tháng	Năm	Ghi chú
72	Tiếng Anh	THCS An Thới Đông	NGUYỄN HOÀNG MINH	KHA	Nam	6/2	6	22	3	2008	
73	Tiếng Anh	THCS Tam Thôn Hiệp	LÊ NGUYỄN KHÁNH	BÀNG	Nữ	6.1	6	12	5	2008	
74	Tiếng Anh	THCS An Thới Đông	NGUYỄN PHẠM MINH	THƯ	Nữ	6/1	6	15	11	2008	
75	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	TRẦN ĐĂNG	KHOA	Nam	7A1	7	3	5	2007	
76	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	ĐỖ MAI	PHƯƠNG	Nữ	7.5	7	4	3	2007	
77	Tiếng Anh	THCS Long Hoà	LÊ HUỲNH XUÂN	TRÚC	Nữ	7/1	7	17	8	2007	
78	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	HOÀNG VÕ THUY	AN	Nữ	7.5	7	10	12	2007	
79	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	7A1	7	11	11	2007	
80	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	HỒ QUỐC	THÔNG	Nam	7A1	7	27	11	2007	
81	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Nam	7.5	7	7	11	2007	
82	Tiếng Anh	THCS An Thới Đông	TRẦN HỮU	QUANG	Nam	7/4	7	23	2	2007	
83	Tiếng Anh	THCS Dơi Lâu	Hồ Tùng	Bách	Nam	7.1	7	15	6	2007	
84	Tiếng Anh	THCS Long Hoà	TRẦN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	7/2	7	1	5	2007	
85	Tiếng Anh	THCS Tam Thôn Hiệp	NGUYỄN VIỆT	HUY	Nam	7.2	7	18	11	2007	
86	Tiếng Anh	THCS Tam Thôn Hiệp	CHÂU THIÊN	BẢO	Nam	7.1	7	7	8	2005	
87	Tiếng Anh	THCS Tam Thôn Hiệp	NGUYỄN HOÀNG MINH	THƯ	Nữ	7.3	7	29	7	2007	
88	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	Nam	8A2	8	8	3	2006	
89	Tiếng Anh	THCS Bình Khánh	NGUYỄN ĐĂNG UYÊN	PHƯƠNG	Nữ	8A2	8	30	3	2006	
90	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	DƯƠNG MAI	HÀN	Nữ	8.5	8	22	7	2006	
91	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	ĐỖ HOÀNG	LONG	Nam	8.5	8	15	8	2006	
92	Tiếng Anh	THCS An Thới Đông	NGUYỄN QUANG	NINH	Nam	8/3	8	5	2	2006	
93	Tiếng Anh	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	Nam	8.5	8	24	1	2006	
94	Tiếng Anh	THCS An Thới Đông	TRẦN LÊ PHƯƠNG	ANH	Nữ	8/5	8	18	1	2006	
95	Tiếng Anh	THCS Tam Thôn Hiệp	HỒ HUỲNH TRUNG	KIÊN	Nam	8.2	8	19	2	2006	
96	Toán	THCS An Thới Đông	VÂN CÔNG THAI	SON	Nam	6/2	6	22	4	2008	
97	Toán	THCS Bình Khánh	PHAN ĐĂNG	KHOA	Nam	6A1	6	5	1	2008	
98	Toán	THCS Bình Khánh	ĐẶNG HOÀNG NHẬT	TÂN	Nam	6A6	6	26	9	2008	
99	Toán	THCS Bình Khánh	HỒ VÕ HUỲNH	THƯƠNG	Nữ	6A1	6	30	10	2008	
100	Toán	THCS Cần Thạnh	DƯƠNG THẾ	TƯỜNG	Nam	6.5	6	20	3	2008	
101	Toán	THCS Tam Thôn Hiệp	LẠI NGUYỄN NHÂN	DUYÊN	Nữ	6.2	6	24	3	2008	
102	Toán	THCS An Thới Đông	LƯƠNG HOÀNG	PHÚC	Nam	6/2	6	28	6	2008	
103	Toán	THCS Cần Thạnh	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	Nam	6.5	6	21	2	2008	
104	Toán	THCS Long Hoà	TRIỆU HỒNG THIÊN	NHÂN	Nam	6/1	6	10	8	2008	
105	Toán	THCS Tam Thôn Hiệp	PHẠM DUY	KHÁNH	Nam	6.2	6	25	3	2008	
106	Toán	THCS Cần Thạnh	TRẦN LÂM THAI	DƯƠNG	Nam	7.5	7	26	2	2007	
107	Toán	THCS Bình Khánh	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGÂN	Nữ	7A1	7	22	6	2007	
108	Toán	THCS An Thới Đông	VÕ MINH	BẢO	Nam	7/1	7	13	4	2007	



STT	Môn thi	Trường	Họ	Tên	GT	Lớp	Khối	Ngày	Tháng	Năm	Ghi chú
109	Toán	THCS Tam Thôn Hiệp	ĐÌNH NGUYỄN HOÀNG GIA	KHÁNH	Nữ	7.1	7	30	9	2007	
110	Toán	THCS Cần Thạnh	TRẦN VŨ THUY	TRÚC	Nữ	7.5	7	21	4	2007	
111	Toán	THCS Dơi Lầu	Lê Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	7.1	7	1	3	2007	
112	Toán	THCS Tam Thôn Hiệp	BÙI MINH	TÚ	Nam	7.3	7	9	1	2007	
113	Toán	THCS Tam Thôn Hiệp	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	Nam	7.1	7	27	1	2007	
114	Toán	THCS An Thới Đông	TRƯƠNG MỸ	HẠNH	Nữ	7/1	7	25	6	2007	
115	Toán	THCS Long Hoà	LÊ PHÚC	TOÀN	Nam	7/3	7	10	2	2007	
116	Toán	THCS Cần Thạnh	PHẠM TRẦN HOÀNG	HIỆP	Nam	8.5	8	13	10	2006	
117	Toán	THCS Lý Nhơn	ĐÌNH HAI	ĐĂNG	Nam	8/1	8	4	2	2006	
118	Toán	THCS Bình Khánh	PHẠM KIẾN	QUỐC	Nam	8A1	8	13	1	2006	
119	Toán	THCS Cần Thạnh	TRẦN HỒNG	LINH	Nữ	8.5	8	27	1	2006	
120	Toán	THCS Long Hoà	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	Nữ	8/4	8	23	3	2006	
121	Toán	THCS Long Hoà	LÊ PHÚC	THỊNH	Nam	8/4	8	29	11	2006	
122	Toán	THCS Bình Khánh	NGUYỄN KHẮC	NAM	Nam	8A6	8	3	7	2006	
123	Toán	THCS Bình Khánh	LÊ HOÀNG	PHÚC	Nam	8A1	8	20	11	2006	
124	Toán	THCS Long Hoà	VÕ THỊ YẾN	VY	Nữ	8/1	8	10	10	2006	
125	Toán	THCS Tam Thôn Hiệp	KIỀU CHÍ	BẢO	Nam	8.2	8	11	9	2006	
126	Toán	THCS Dơi Lầu	Bùi Trần Tấn	Tài	Nam	8.1	8	17	1	2006	
127	Toán	THCS Tam Thôn Hiệp	TRƯƠNG NGỌC BÍCH	TRÂM	Nữ	8.3	8	22	12	2006	
128	STEM	THCS An Thới Đông	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG	NAM	Nam	8/3	8	6	3	2006	
129	STEM	THCS An Thới Đông	TRẦN TÂN	PHÁT	Nam	8/3	8	21	3	2006	

Danh sách có 129 học sinh./.